TÒAÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:10/2022/DS-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2022
V/v Tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hữu Thạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Liềm
Ông Nguyễn Thanh Tùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa*:** Bà Thị Xà Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2021, về việc "*Tranh chấp đòi tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 4 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ngọc L, sinh năm 1962 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà Lâm Thị U, sinh năm 1969; (Có mặt)
Ông Danh Ch, sinh năm 1966 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Hòa Hiếu 2, xã Định Hòa, huyện Gò Quao, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn là bà Ngô Thị Ngọc L trình bày:

Vào năm 2019 bà L có cho bà Lâm Thị U ông Danh Ch vay số vàng là 05 cây vàng 24Kra (50 chỉ vàng) (loại vàng 9999) lúc đưa vàng cho bà U có viết giấy nợ với nội dung" bà Lâm Thị U có hỏi vàng của bà L là 05 cây vàng bốn số 9" bà L trực tiếp đưa vàng cho bà U và có nói cho chồng bà U là ông Danh Ch biết, khi vay vàng xong bà U chỉ trả lại cho bà L 10 chỉ vàng 24kara, khi trả vàng cho bà L không có lập văn bản, số vàng còn lại là 40 chỉ vàng bà U chưa trả, khi cho bà U vay vàng thì không có việc thỏa thuận lãi, chỉ cho vay vàng gốc, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà U cùng chồng là ông Danh Ch trả 40 chỉ vàng 24kara, nhưng bà U ông Ch không trả.

Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị U ông Danh Ch trả cho bà L 40 chỉ vàng 24Kara (loại 99%) không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa bị đơn bà Lâm Thị U trình bày:

Vào năm 2015 bà U có vay vàng của bà Ngô Thị Ngọc L là 05 chỉ vàng 24 kara, thỏa thuận lãi mỗi năm là 2,5 chỉ vàng, do không trả được lãi cho bà L nên đến năm 2016 đã nhập lãi 2,5 chỉ cộng với gốc là 5 chỉ là 7,5 chỉ, bà U vay thêm 2,5 chỉ là 10 chỉ vàng. Năm 2017 lãi là 5 chỉ vàng cộng với gốc 10 chỉ là 15 chỉ, Năm 2018 lãi là 7,5 cộng nợ gốc 15 chỉ là 22,5 chỉ, sau đó vay thêm 7,5 chỉ là 30 chỉ vàng. Năm 2019 lãi là 15 chỉ cộng gốc 30 chỉ là 45 chỉ. Năm 2020 vay thêm 5 chỉ cộng nợ gốc 45 chỉ là 50 chỉ, Năm 2021 bà U đã trả được cho bà L là 10 chỉ vàng còn nợ lại 40 chỉ vàng, khi trả 10 chỉ vàng cho bà L thì không có lập văn bản.

Khi vay vàng có lập giấy viết tay nội dung là bà U có vay của bà L là 5 cây vàng bốn số 9 qua một năm bà U phải trả cho bà L là 7,5 cây vàng, giấy lập vào năm 2019, việc thỏa thuận lãi nhập vô gốc theo bà U trình bày thì không có lập văn bản hoặc các giấy tờ nào khác, chỉ thỏa thuận miệng. Khi vay số vàng của bà L mục đích để bà U chăn nuôi phục cho việc làm ăn sinh sống các thành viên trong gia đình, thời điểm vay vàng bà U đang sống cùng chồng là ông Danh Ch và các con.

Nay bà U thừa nhận còn nợ bà Ngô Thị Ngọc L là 40 chỉ vàng 24Kara (99%), bà U đồng ý trả cho bà L 40 chỉ vàng, xin trả mỗi năm 02 chỉ vàng, bà U không yêu cầu tính lại lãi số vàng đã trả cho bà L.

Đồng bị đơn ông Danh Ch có đơn xin vắng mặt, theo các lời khai có trong hồ sơ ông trình bày:

Việc vợ ông là bà Lâm Thị U khi vay của bà Ngô Thị Ngọc L số vàng là 05 cây vàng 24Kara ông Ch không biết, đến năm 2021 khi bà L đòi bà U trả vàng thì ông Ch mới biết là bà U vay vàng bà L và còn nợ 40 chỉ vàng, ông Ch cũng không biết bà U vay vàng của bà L để sử dụng vào mục đích gì cho gia đình, hiện nay ông Ch vẫn đang chung sống với bà U cùng các con. Nay số vàng bà U nợ bà L là 40 chỉ vàng 24Kara, do bà U tự vay ông Ch không biết nên ông Ch không đồng ý liên đới cùng bà U trả vàng cho bà L.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên vụ án đã quá thời hạn xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc L buộc bà Lâm Thị U ông Danh Ch có nghĩa vụ trả cho bà L 40 chỉ vàng 24Kara.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lâm Thị U và ông Danh Ch có hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Quá trình làm việc cũng như tại phiên tòa, bà Ngô Thị Ngọc L yêu cầu bà Lâm Thị U ông Danh Ch trả 40 chỉ vàng 24Kara, Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp đòi tài sản* "

Đối với bị đơn bà ông Danh Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Ch.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc L buộc bà Lâm Thị U trả 40 chỉ vàng 24Kara, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn là bà Lâm Thị U thừa nhận có vay 50 chỉ vàng 24Kara (99%) của bà L đã trả được 10 chỉ vàng còn nợ 40 chỉ vàng, khi cho vay các bên có lập giấy viết tay. Do đó việc bà Lâm Thị U nợ bà Ngô Thị Ngọc L 40 chỉ vàng 24kara là sự thật.

Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 thì đến hạn trả, bên vay có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại đúng số lượng, chất lượng, căn cứ theo quy định này bà L khởi kiện yêu cầu bà U có nghĩa vụ trả cho bà L 40 chỉ vàng 24K (99%) là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên bà U cho rằng do hoàn cảnh khó khăn bà U xin trả mỗi năm 02 chỉ vàng cho bà L nhưng không được bà L đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Trong quá trình vay bà U cho rằng trong số 40 chỉ vàng còn nợ bà L thì có số lãi đã nhập vô số vàng gốc nhưng sự việc này bà L không thừa nhận, bà U lại không có chứng cứ gì để chứng minh, mặc khác trong giấy viết vay vàng lại không thể hiện phần trả lãi, hơn nữa bà U đã thừa nhận còn nợ bà L 40 chỉ vàng và bà U thống nhất không có yêu cầu xem xét phần lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với đồng bị đơn ông Danh Ch là chồng bà Ngô Thị Út có ý kiến cho rằng: Ông không đồng ý liên đới cùng bà U trả cho bà L 40 chỉ vàng vì ông không biết việc bà U vay vàng của bà L, đến khi bà L yêu cầu bà U trả vàng thì ông mới biết, xét thấy lời trình bày của bà U về việc vay vàng của bà L để phục vụ nhu cầu chi tiêu trong đời sống gia đình, thời điểm vay vàng của bà L bà U và ông Danh Ch đang trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp và đang chung sống với nhau, do đó ông Ch phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà U trả nợ cho bà L là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử vụ án là 5.400.000đồng/1chỉ x 40 chỉ vàng =

216.000.000đ x 5% = 10.800.000đ Buộc bà Lâm Thị U ông Danh Ch phải chịu; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Ngô Thị Ngọc L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3; Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 93; khoản 3 Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 166; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc L về việc yêu cầu bà Lâm Thị U ông Danh Ch trả 40 chỉ vàng 24kara (99%).

2. Buộc bà Lâm Thị U và ông Danh Ch có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị Ngọc L 40 (bốn mươi) chỉ vàng 24Kra (99%)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 10.800.000đ (*Mười triệu tám trăm nghìn đồng)* Buộc bà Lâm Thị U ông Danh Ch phải chịu.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí là 5.300.000đ *(Năm triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002862 ngày 06/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quaotỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát Gò Quao;
- Chi cục Thi hành án Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Hữu Thạnh